

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA PHƯƠNG NAM****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (hợp nhất)**

Quý 04 năm 2009

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                        | Mã số     | Thuyết minh | QUÝ 04/2009            | LŨY KẾ NĂM 2009        |
|-------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ</b>   | <b>01</b> | <b>6.1</b>  | <b>81,970,482,654</b>  | <b>303,649,956,523</b> |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02        |             | 4,167,107,724          | 11,021,325,636         |
| <b>Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ</b>   | <b>10</b> |             | <b>77,803,374,930</b>  | <b>292,628,630,887</b> |
| Giá vốn hàng bán                                | 11        | 6.2         | 54,632,909,715         | 210,757,884,284        |
| <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b> | <b>20</b> |             | <b>23,170,465,215</b>  | <b>81,870,746,603</b>  |
| Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21        | 6.3         | 557,509,884            | 2,013,062,202          |
| Chi phí tài chính                               | 22        | 6.4         | 1,528,404,791          | 5,284,063,282          |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                | 23        |             | <i>1,138,479,593</i>   | <i>4,347,146,044</i>   |
| Chi phí bán hàng                                | 24        |             | 17,801,871,789         | 66,873,870,777         |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25        |             | 4,516,305,128          | 17,320,060,909         |
| <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  | <b>30</b> |             | <b>(118,606,609) -</b> | <b>5,594,186,163</b>   |
| Thu nhập khác                                   | 31        |             | 6,113,226,484          | 11,374,434,969         |
| Chi phí khác                                    | 32        |             | 701,490,132            | 1,333,304,485          |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                           | <b>40</b> |             | <b>5,411,736,352</b>   | <b>10,041,130,484</b>  |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>        | <b>50</b> |             | <b>5,293,129,743</b>   | <b>4,446,944,321</b>   |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                     | 51        |             | 609,002,127            | 1,315,576,550          |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                      | 52        |             | 12,425,113 -           | 41,176,762             |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>60</b> |             | <b>4,671,702,503</b>   | <b>3,172,544,532</b>   |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 70        |             |                        |                        |

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc